

Bản án số: **44/2021/HNGĐ-ST**
Ngày 11-5-2021
“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN-TP. ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Sơn

Ông Huỳnh Bá Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Bích Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hòa- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22/4/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị N**, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: 157 đường C, Tổ 34, phường H, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng.

- Bị đơn: Ông **Ngô Văn K**, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: 157 đường C, Tổ 34, phường H, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn trình bày, các Biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân:

Tôi và anh Ngô Văn K tự tìm hiểu được khoảng 04 năm thì kết hôn, có tổ chức đám cưới, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng (nay phường H, quận Ngũ Hành Sơn) vào ngày 25/12/1996.

Sau khi cưới được một năm vợ chồng tôi chuyển ra sống riêng và cũng sống tại phường H, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng.

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Vợ chồng tôi trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng hay cãi nhau, anh K nhiều lần đánh đập tôi. Đến đầu năm 2018 thì mâu thuẫn trầm trọng hơn. Hiện nay tôi không còn tình cảm với anh K nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Ngô Văn K.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng tôi có 02 con chung là: Ngô Thị Ngọc M, sinh ngày 06/4/1995 và Ngô Văn Nh, sinh ngày 25/3/2001.

Ly hôn, các con chung đã trưởng thành nên tôi không yêu cầu giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Ngô Văn K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng trình tự quy định của pháp luật. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông K có tham gia phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng quá trình Tòa án đưa vụ án ra xét xử đã triệu tập hợp lệ ông K và ông K vẫn vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, tại Đơn trình bày, Biên bản hòa giải bị đơn ông Ngô Văn K có ý kiến:

- Về quan hệ hôn nhân:

Tôi và cô Trần Thị N tự tìm hiểu được khoảng 04 năm thì kết hôn, có tổ chức đám cưới, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng (nay phường H, quận Ngũ Hành Sơn) vào ngày 25/12/1996.

Sau khi cưới được 01 năm vợ chồng tôi chuyển ra sống riêng cũng tại phường H, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng.

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Vợ chồng tôi trong quá trình chung sống cũng có nhiều mâu thuẫn. Tôi thừa nhận vợ chồng tôi cũng hay cãi nhau và có đôi lúc tôi cũng có đánh đập cô N vì tôi có nghe những thông tin người ta kể với tôi việc cô có nhiều mối quan hệ bên ngoài không rõ ràng nên đôi khi bức mình, nóng giận đã đánh cô ấy. Gần 02 năm nay thì mối quan hệ của vợ chồng tôi mâu thuẫn trầm trọng hơn. Hiện nay chúng tôi vẫn sống chung một nhà nhưng không quan tâm nhau, phần ai nấy sống.

Nay cô N yêu cầu ly hôn thì tôi không đồng ý vì đối với tôi gia đình là quan trọng. Vợ chồng hiện nay cũng đã lớn tuổi rồi, cũng đã có sui gia và có cháu ngoại nên tôi thấy việc vợ chồng ly hôn là không cần thiết.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng tôi có 02 con chung là: Ngô Thị Ngọc M, sinh ngày 06/4/1995 và Ngô Văn Nh, sinh ngày 25/3/2001.

Ly hôn, các con chung đã trưởng thành nên tôi không yêu cầu giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo trừ bị đơn ông Ngô Văn K đã không thực hiện nghĩa vụ của đương sự là đến Tòa án theo triệu tập để tham gia phiên tòa do vậy căn cứ Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị xét xử vắng mặt ông K.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ quy định tại Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N đối với ông Ngô Văn K:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Trần Thị N được ly hôn với ông Ngô Văn K.

- Về quan hệ con chung: Các con chung của bà Trần Thị N và ông Ngô Văn K là Ngô Thị Ngọc M, sinh ngày 06/4/1995 và Ngô Văn Nh, sinh ngày 25/3/2001 hiện đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: Bà N ông K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

- Về nợ chung: Bà N ông K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Trần Thị N phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Bà Trần Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng thụ lý giải quyết tranh chấp ly hôn đối với ông Ngô Văn K và Tòa án đã thụ lý giải quyết đơn khởi kiện của bà N là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa bị đơn ông Ngô Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Vì vậy căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn ông Ngô Văn K.

Về nội dung:

[3] Bà Trần Thị N và ông Ngô Văn K tự tìm hiểu được khoảng 04 năm thì kết hôn, có tổ chức đám cưới, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng (nay phường H, quận Ngũ Hành Sơn) vào ngày 25/12/1996 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Sau khi kết hôn, vợ chồng bà N ông K chuyển ra sống riêng tại phường Hòa Quý, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng.

Theo bà N, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng rồi trong quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng hay cãi nhau, ông K nhiều lần đánh đập bà. Đến đầu năm 2018 thì mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà N xác định bà không còn tình cảm với ông K nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Ngô Văn K.

Theo lời trình bày của ông K có trong hồ sơ vụ án thì vợ chồng ông trong quá trình chung sống cũng có nhiều mâu thuẫn. Ông K thừa nhận vợ chồng ông cũng hay cãi nhau và có đôi lúc ông cũng có đánh đập bà N vì do ông có nghe những thông tin người ta kể với ông việc bà N có nhiều mối quan hệ bên ngoài không rõ ràng nên đôi khi bức mình, nóng giận đã đánh bà N. Gần 02 năm nay thì mối quan hệ của vợ chồng ông mâu thuẫn trầm trọng hơn. Hiện nay vợ chồng ông vẫn sống chung một nhà nhưng không quan tâm nhau, phần ai người nấy sống.

Tại phiên tòa ông K không có mặt, tuy nhiên quá trình Tòa án hòa giải ông K không đồng ý với việc bà N yêu cầu ly hôn vì đối với ông gia đình là quan trọng. Vợ chồng ông hiện nay cũng đã lớn tuổi, cũng đã có sui gia và có cháu ngoại nên theo ông K thì việc vợ chồng ly hôn là không cần thiết.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng trình tự quy định của pháp luật. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông K có tham gia các phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, quá trình Tòa án đưa vụ án ra xét xử ông K đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy HĐXX quyết định xử vắng mặt ông Ngô Văn K.

[6] Với những tình tiết và chứng cứ trên, HĐXX xét thấy giữa bà N và ông K không có đời sống hôn nhân thực sự, thực tế hiện nay hai người chung sống cùng trong một nhà nhưng đã không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình hòa giải, chính ông K cũng thừa nhận gần 02 năm nay mâu thuẫn vợ chồng ông trầm trọng hơn, vợ chồng ông vẫn sống chung một nhà nhưng không quan tâm nhau, phần ai nấy sống và chính ông K cũng thừa nhận thỉnh thoảng khi nóng giận ông cũng có đánh đập bà N; quá trình Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương cũng cho thấy vợ chồng bà N ông K cách đây 01 năm có xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ

với nhau. Ông K không đồng ý ly hôn vì cho rằng vợ chồng ông đã lớn tuổi, đã có sui gia và cháu ngoại nên việc ly hôn là không cần thiết. HĐXX thấy, lý do ông K xin đoàn tụ không phải là vì mục đích mong muốn xây dựng một cuộc hôn nhân hạnh phúc với bà N. Ông K không đồng ý ly hôn để vợ chồng được đoàn tụ tuy nhiên ông lại không đưa ra được phương án tối ưu để khắc phục những mâu thuẫn vợ chồng; tại phiên tòa bà N xác nhận bà cũng không còn tình cảm với ông K. Căn cứ khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N đối với ông Ngô Văn K là hợp lý.

[7] Về con chung: Bà N và ông K xác nhận vợ chồng có 02 con chung là: Ngô Thị Ngọc M, sinh ngày 06/4/1995 và Ngô Văn Nh, sinh ngày 25/3/2001. Ly hôn các con chung đã trưởng thành nên bà N ông K không đề cập vì vậy HĐXX không xem xét.

[8] Về tài sản chung: Bà N và ông K tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[9] Về nợ chung: Bà N và ông K tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[10] Về án phí HNGĐ sơ thẩm bà N phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ bà N đã nộp.

[11] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng đề nghị: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N đối với ông Ngô Văn K.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Trần Thị N được ly hôn với ông Ngô Văn K.

Về con chung: Đối với các con chung là Ngô Thị Ngọc M, sinh ngày 06/4/1995 và Ngô Văn Nh, sinh ngày 25/3/2001 đã trưởng thành nên không đề cập.

Về quan hệ tài sản chung: Bà N ông K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Về nợ chung: Bà N ông K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà N phải chịu.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;
- Điều 147, khoản 2 điều 227, Điều 266 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N đối với ông Ngô Văn K về việc “*Tranh chấp ly hôn*”.

I/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Trần Thị N được ly hôn với ông Ngô Văn K.

II/ Về quan hệ con chung: Đối với các con chung là Ngô Thị Ngọc M, sinh ngày 06/4/1995 và Ngô Văn Nh, sinh ngày 25/3/2001 đã trưởng thành nên HĐXX không đề cập giải quyết.

III/ Về quan hệ tài sản chung: Bà N ông K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập giải quyết.

IV/ Về quan hệ nợ chung: Bà N ông K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập giải quyết.

V/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Trần Thị N phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ bà N đã nộp tại biên lai thu số 0007029 ngày 12/10/2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Ngũ Hành Sơn. Bà N đã nộp đủ án phí.

VI/ Bà Trần Thị N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng ông Ngô Văn K vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn;
- UBND phường H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Giấy đăng ký kết hôn số 41/1996
ngày 25/12/1996)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Nga

